

Đơn vị: TTYT Hoài Nhơn  
Mã QHNS: 1047707

Mẫu số: C02 - HD

**BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN PHỤ CẤP THEO LƯƠNG  
CÁC KHOẢN TRÍCH NỘP THEO LƯƠNG ( 2.340.000)**

Tháng 6 năm 2026

(Kèm theo Thông báo số: /TB-TTHN ngày tháng 6 năm 2026)

DVT: đồng

STT	Họ và tên	Mã ngạch	Hệ số lương	Hệ số phụ cấp chức vụ	Phụ cấp độc hại	Phụ cấp trách nhiệm	% Phụ cấp TNVK	Phụ cấp TNVK	% PCƯĐ N	Phụ cấp Ưu đãi nghề	Cộng hệ số	Tiền lương tháng	Nghỉ việc không được hưởng lương và các khoản PC	BHXX	BHYT	BHTN	Số thực lĩnh	Ghi chú
														Trừ vào lương (8%)	Trừ vào lương (1,5%)	Trừ vào lương (1%)		
A	B	C	1	2	6	7	8	9	10	11	12	13	18	20	22	24	26	D
1	Trần Quang Hải	V.08.01.02	5,76	0,4	0,2				60%	3,70	10,06	23.531.040	46.800	1.153.152	216.216	144.144	21.970.727	P 2 ngày
2	Nguyễn Tam Hùng	V.08.03.07	4,06		0,2		15%	0,61	60%	2,80	7,67	17.948.736	23.400	874.037	163.882	109.255	16.778.162	P 1 ngày
3	Trần Văn Bé	V.08.03.07	4,06				10%	0,41	40%	1,79	6,25	14.630.616		836.035	156.757	104.504	13.533.320	
4	Phạm Văn Khương	V.08.01.03	4,98						40%	1,99	6,97	16.314.480		932.256	174.798	116.532	15.090.894	Tăng lương
5	Nguyễn Thị Tuyết Lan	V.08.04.10	3,66						40%	1,46	5,12	11.990.160		685.152	128.466	85.644	11.090.898	
6	Vô Văn Minh	V.08.04.10	3,99		0,2				60%	2,39	6,58	15.406.560	46.800	746.928	140.049	93.366	14.379.417	P 1,5 ngày, Ct 0,5 ngày
7	Lâm Thị Thiệt	V.08.05.13	3,96		0,2				60%	2,38	6,54	15.294.240	35.100	741.312	138.996	92.664	14.286.168	Ct 1 ngày, P 0,5 ngày
8	Nguyễn Thị Hương	V.05.02.08	3,65						0%	0,00	3,65	8.541.000		683.280	128.115	85.410	7.644.195	
9	Huỳnh Thị Bông	V.08.03.07	2,67		0,2				60%	1,60	4,47	10.464.480	46.800	499.824	93.717	62.478	9.761.661	P 2 ngày
10	Nguyễn Thanh Hậu	V.08.04.10	2,67	0,3	0,2				60%	1,78	4,95	11.587.680	11.700	555.984	104.247	69.498	10.846.251	P 0,5 ngày
11	Trương Viết Nhân	V.08.01.03	3,00	0,3	0,2				60%	1,98	5,48	12.823.200	58.500	617.760	115.830	77.220	11.953.891	P 2 ngày Ct 0,5 ngày
12	Trần Thị Yến	V.08.02.06	3,00		0,4				70%	2,10	5,50	12.870.000		561.600	105.300	70.200	12.132.900	
13	Trương Thị Linh Huệ	V.08.06.16	3,00						40%	1,20	4,20	9.828.000		561.600	105.300	70.200	9.090.900	
14	Nguyễn Thị Bích Nga	V08.05.12	3,66						40%	1,46	5,12	11.990.160		685.152	128.466	85.644	11.090.898	
15	Cao Văn Cảnh	V08.05.13	3,03		0,2				60%	1,82	5,05	11.812.320	35.100	567.216	106.353	70.902	11.032.749	P 1 ngày, Ct 0,5
16	Hứa Thị Thanh	V.08.02.06							70%	0,00	0,00	0		0	0	0	0	Nghỉ thai sản

17	Nguyễn Thị Út Linh	V.08.05.12	3,33					40%	1,33	4,66	10.909.080		623.376	116.883	77.922	10.090.899		
18	Trần Thị Ánh Tuyết	V08.05.12	2,34					40%	0,94	3,28	7.665.840		438.048	82.134	54.756	7.090.902		
19	Nguyễn Thị Hồng	V.08.05.12	2,67					40%	1,07	3,74	8.746.920		499.824	93.717	62.478	8.090.901		
20	Nguyễn Văn Thi	V.08.04.10	2,67					40%	1,07	3,74	8.746.920		499.824	93.717	62.478	8.090.901		
21	Trần Thị Hồng Nữ	V.08.03.07	2,86					40%	1,14	4,00	9.369.360		535.392	100.386	66.924	8.666.658		
<b>Tổng cộng</b>			<b>69,02</b>	<b>1,0</b>	<b>2,0</b>	<b>0</b>			<b>1,02</b>		<b>34,00</b>	<b>107,04</b>	<b>250.470.792</b>	<b>304.200</b>	<b>13.297.752</b>	<b>2.493.329</b>	<b>1.662.219</b>	<b>232.713.292</b>

*Tổng số tiền bằng chữ : Hai trăm ba mươi hai triệu bảy trăm mười ba nghìn hai trăm chín mươi hai đồng chẵn.*